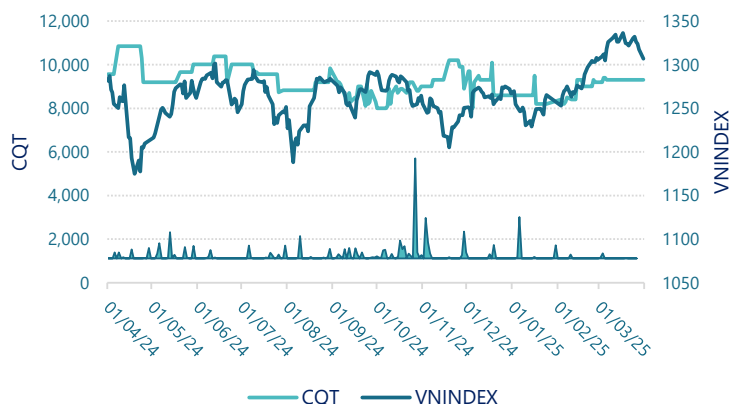


CTCP Xi măng Quán Triều - VVMI (UPCOM: CQT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,846
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
SL cổ phiếu LH	25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	550
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	233
P/E	28.0
EPS	332

DT thuần

Q1/25

132

tỷ VNĐ

QoQ: ▼89.0| -40.2%

YoY: ▲12.0| 10.1%

LN sau thuế

Q1/25

-2.03

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.8| -112%

YoY: ▲4.33| 68.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.1%

+/- YoY: ▼4.6%

DT thuần

2024

593

tỷ VNĐ

YoY: ▼25.0| -4.1%

LN sau thuế

2024

3.97

tỷ VNĐ

YoY: ▼23.8| -85.7%

ROE

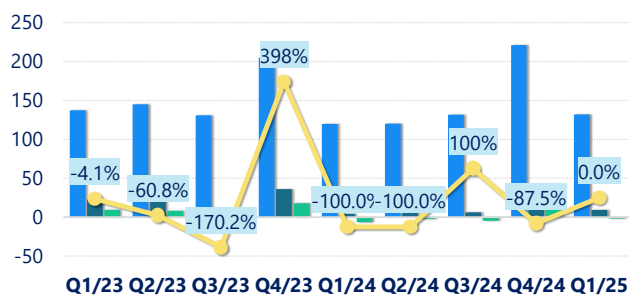
2024

1.5%

+/- YoY: ▼8.5%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh



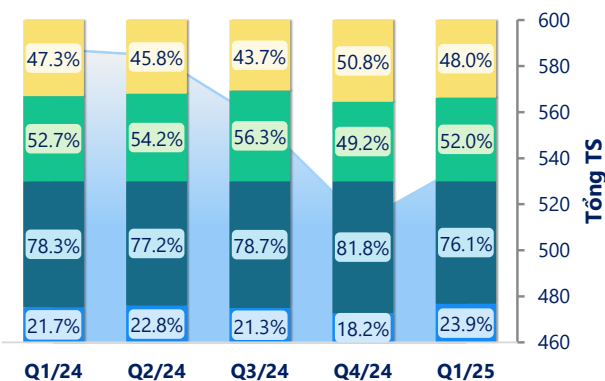
Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

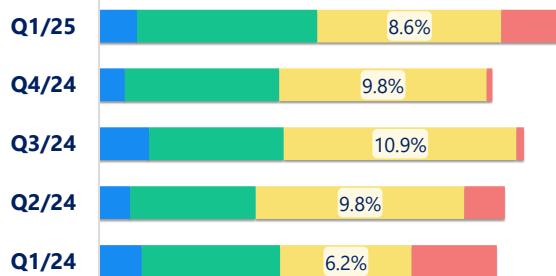
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

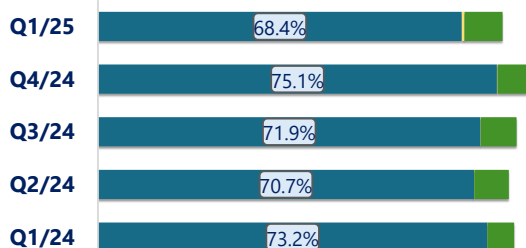
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác
Đầu tư TC ngắn hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

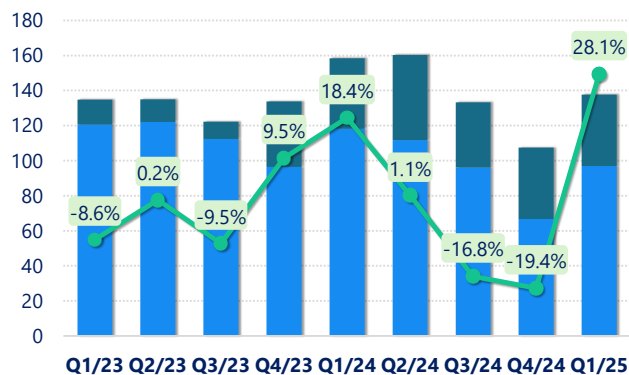


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Tài sản dở dang
Tài sản dài hạn khác
Đầu tư tài chính dài hạn
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



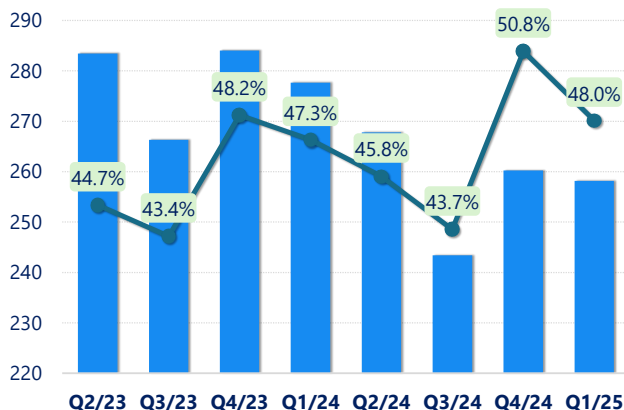
Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

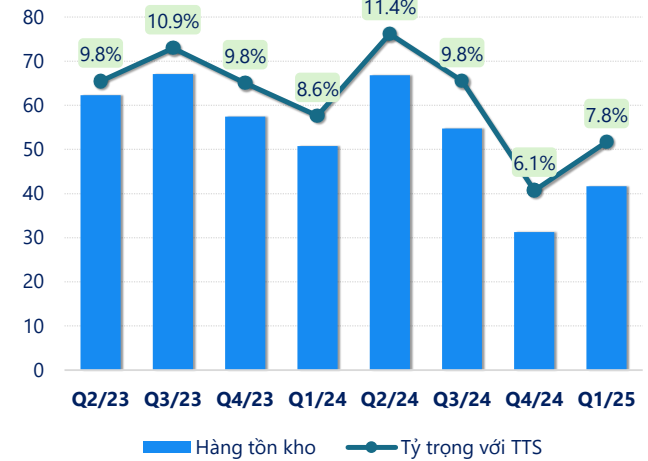
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

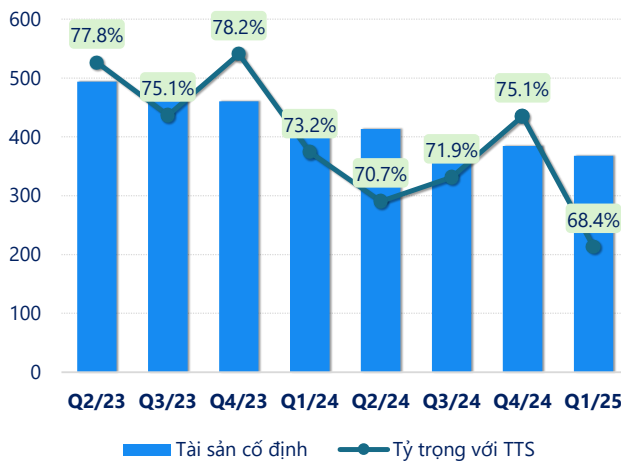

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


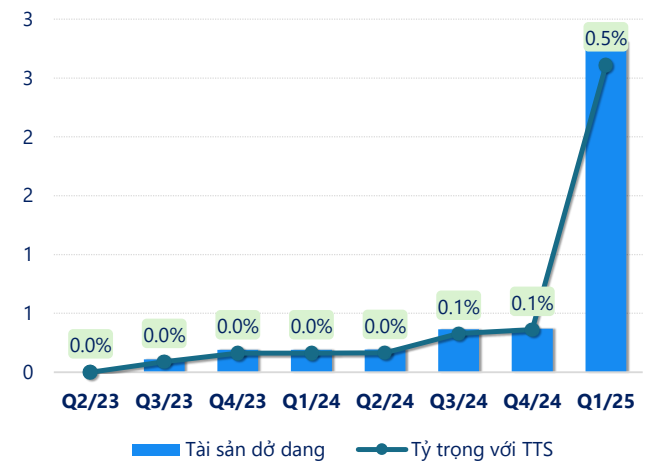
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

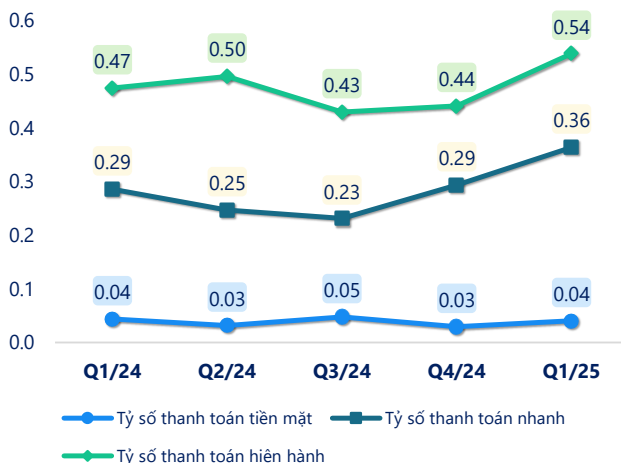
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

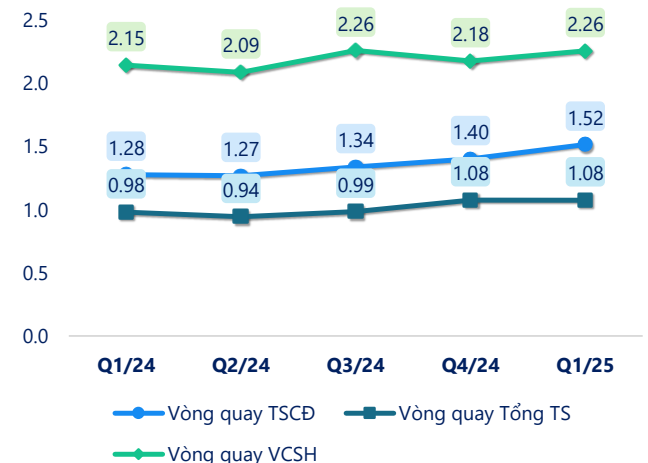
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	587	585	557	513	538
Tài sản ngắn hạn	128	133	119	93.3	128
Tiền và tương đương tiền	11.8	8.52	13.1	6.23	9.61
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	49.8	50.5	46.1	54.0	62.7
Hàng tồn kho	50.8	66.8	54.7	31.3	41.7
Tài sản ngắn hạn khác	15.3	7.18	4.59	1.85	14.5
Tài sản dài hạn	460	452	438	419	409
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	430	413	401	385	368
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.19	0.19	0.37	0.37	2.80
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	29.4	38.0	37.3	34.2	38.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	310	317	313	252	279
Nợ ngắn hạn	269	268	276	212	239
Vay và nợ thuê ngắn hạn	118	112	96.1	66.8	97.0
Phải trả người bán ngắn hạn	127	124	123	101	103
Nợ dài hạn	40.3	48.4	37.3	40.7	40.7
Vay và nợ thuê dài hạn	40.3	48.4	37.3	40.7	40.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	278	268	243	260	258
Vốn chủ sở hữu	278	268	243	260	258
Vốn điều lệ	250	250	250	250	250
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)